Số: 3126/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-07-24T12:58:47+07:00

Phụ lục 02

DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NĂM 2026
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA GIAI ĐOẠN 2025-2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2025 ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	TỔNG CỘNG		**126.410**	**97.188**	**29.222**	
1	**NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 1: PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM CÓ NHÂN CÁCH, LỐI SỐNG TỐT ĐẸP**		**31.024**	**23.849**	**7.175**	
1.1	**Xây dựng hệ giá trị đạo đức, chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới**					
1.1.1	***Xây dựng và triển khai hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam, bộ quy tắc ứng xử trong gia đình***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	234	180	54	
1.1.2	***Xây dựng, hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện văn hóa công vụ, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; bộ quy tắc ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức khi đến làm việc tại cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng***					
	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	585	450	135	
1.1.3	***Xây dựng và triển khai hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam, bộ quy tắc ứng xử trong Quân đội nhân dân Việt Nam***					
	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	234	180	54	
1.1.4	***Xây dựng và triển khai hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam, bộ quy tắc ứng xử trong lực lượng Công an nhân dân***					
	Công an tỉnh	Công an tỉnh	234	180	54	
1.1.5	***Xây dựng và triển khai hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam, bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường. Nâng cao năng lực công tác chính trị tư tưởng, văn hóa học đường, đạo đức lối sống, phát huy vai trò của tổ chức Đoàn, Hội, Đội trong các cơ sở giáo dục đào tạo***					
	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	234	180	54	
1.1.6	***Xây dựng và triển khai hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam, bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	234	180	54	
1.1.7	***Xây dựng và triển khai hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam, bộ quy tắc ứng xử trong văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam***					
	Sở Công thương	Sở Công thương	234	180	54	
1.1.8	***Xây dựng và triển khai bộ quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp y tế nhằm nâng cao chỉ số hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công***					
	Sở Y tế	Sở Y tế	234	180	54	
1.2	**Thúc đẩy quyền, nghĩa vụ, văn hóa sống và làm việc theo pháp luật**					
1.2.1	***Nâng cao nhận thức về pháp luật cho con người Việt Nam, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật***					
	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	117	90	27	
1.2.2	***Tăng cường khả năng tiếp cận, thụ hưởng và năng lực tổ chức hoạt động trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm về văn hóa, hôn nhân, gia đình cho người dân, chú ý yếu tố giới, đối tượng yếu thế, bảo vệ, thúc đẩy quyền và lợi ích chính đáng của người dân, người được trợ giúp pháp lý***					
	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	117	90	27	
1.2.3	***Đảm bảo năng lực, chất lượng, tính chuyên nghiệp, chuyên sâu, liên ngành và sự tham gia của người dân vào quá trình hoạch định, hoàn thiện và thực thi cơ chế, chính sách về văn hóa***					
	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	117	90	27	
1.3	**Phát triển thể lực, tầm vóc và kỹ năng sống cho con người Việt Nam**					
1.3.1	***Triển khai phong trào thể dục, thể thao cho mọi người, góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Hình thành các khu trung tâm thể dục thể thao của xã, phường, gắn với quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa tại cơ sở, trường học; các điểm tập thể thao với trang thiết bị tập luyện đơn giản tại các khu đô thị, khu dân cư, làng, bản, thôn, ấp, nhà máy, xí nghiệp...***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.053	810	243	
	*** Các xã, phường (theo tiêu chí)**					
	Phường Quy Nhơn	UBND Phường Quy Nhơn	112	86	26	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Phường Pleiku	UBND Phường Pleiku	112	86	26	
	Xã Tuy Phước	UBND Xã Tuy Phước	176	135	41	
	Phường Quy Nhơn Nam	UBND Phường Quy Nhơn Nam	112	86	26	
	Xã Chư Sê	UBND Xã Chư Sê	185	142	43	
	Xã Tuy Phước Đông	UBND Xã Tuy Phước Đông	176	135	41	
	Xã Phù Cát	UBND Xã Phù Cát	176	135	41	
	Phường An Khê	UBND Phường An Khê	112	86	26	
	Xã Tuy Phước Bắc	UBND Xã Tuy Phước Bắc	176	135	41	
	Phường An Nhơn	UBND Phường An Nhơn	112	86	26	
	Xã Phú Thiện	UBND Xã Phú	260	200	60	
	Xã Tây Sơn	UBND Xã Tây Sơn	176	135	41	
	Phường Quy Nhơn Đông	UBND Phường Quy Nhơn Đông	112	86	26	
	Phường Hội Phú	UBND Phường Hội Phú	112	86	26	
	Phường Quy Nhơn Bắc	UBND Phường Quy Nhơn Bắc	112	86	26	
	Xã Đề Gi	UBND Xã Đề Gi	176	135	41	
	Phường Hoài Nhơn Đông	UBND Phường Hoài Nhơn Đông	112	86	26	
	Phường Hoài Nhơn Bắc	UBND Phường Hoài Nhơn Bắc	112	86	26	
	Xã Phù Mỹ Đông	UBND Xã Phù Mỹ Đông	176	135	41	
	Phường Hoài Nhơn	UBND Phường Hoài Nhơn	112	86	26	
	Phường Bình Định	UBND Phường Bình Định	112	86	26	
	Phường Bồng Sơn	UBND Phường Bồng Sơn	112	86	26	
	Xã Biển Hồ	UBND Xã Biển Hồ	248	191	57	
	Phường An Phú	UBND Phường An Phú	112	86	26	
	Phường An Nhơn Bắc	UBND Phường An Nhơn Bắc	112	86	26	
	Xã An Lương	UBND Xã An	176	135	41	
	Xã Phú Túc	UBND Xã Phú Túc	277	213	64	
	Xã Ia Hrung	UBND Xã Ia Hrung	185	142	43	
	Xã Ia Hrú	UBND Xã Ia Hrú	260	200	60	
	Xã Đak Đoa	UBND Xã Đak Đoa	176	135	41	
	Xã Tuy Phước Tây	UBND Xã Tuy Phước Tây	176	135	41	
	Xã Hoài Ân	UBND Xã Hoài Ân	185	142	43	
	Xã Bình An	UBND Xã Bình An	176	135	41	
	Xã Chư Prông	UBND Xã Chư Prông	185	142	43	
	Xã Cát Tiến	UBND Xã Cát Tiến	185	142	43	
	Xã Chư Pưh	UBND Xã Chư Pưh	248	191	57	
	Phường Hoài Nhơn Nam	UBND Phường Hoài Nhơn Nam	112	86	26	
	Phường An Nhơn Nam	UBND Phường An Nhơn Nam	112	86	26	
	Xã Bờ Ngoong	UBND Xã Bờ Ngoong	248	191	57	
	Xã Ia Băng	UBND Xã Ia Băng	248	191	57	
	Xã Ia Pa	UBND Xã Ia Pa	248	191	57	
	Phường An Bình	UBND Phường An Bình	112	86	26	
	Xã Xuân An	UBND Xã Xuân An	176	135	41	
	Xã Mang Yang	UBND Xã Mang Yang	248	191	57	
	Xã Ia Krái	UBND Xã Ia Krái	257	198	59	
	Xã Phù Mỹ Bắc	UBND Xã Phù Mỹ Bắc	165	127	38	
	Xã Phù Mỹ	UBND Xã Phù Mỹ	156	120	36	
	Xã Bình Dương	UBND Xã Bình Dương	156	120	36	
	Xã Phù Mỹ Nam	UBND Xã Phù Mỹ Nam	156	120	36	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Phường Ayun Pa	UBND Phường Ayun Pa	92	71	21	
	Phường An Nhơn Đông	UBND Phường An Nhơn Đông	92	71	21	
	Xã Hòa Hội	UBND Xã Hòa Hội	156	120	36	
	Xã Ngô Mây	UBND Xã Ngô Mây	156	120	36	
	Phường Hoài Nhơn Tây	UBND Phường Hoài Nhơn Tây	92	71	21	
	Xã Kbang	UBND Xã Kbang	177	136	41	
	Xã Ia Ko	UBND Xã Ia Ko	241	185	56	
	Phường Quy Nhơn Tây	UBND Phường Quy Nhơn Tây	101	78	23	
	Phường Tam Quan	UBND Phường Tam Quan	92	71	21	
	Xã Ia Le	UBND Xã Ia Le	257	198	59	
	Xã Đức Cơ	UBND Xã Đức Cơ	165	127	38	
	Xã Ia Phí	UBND Xã Ia Phí	241	185	56	
	Xã Bình Phú	UBND Xã Bình Phú	241	185	56	
	Xã Ia Lâu	UBND Xã Ia Lâu	241	185	56	
	Xã Ia Krêl	UBND Xã Ia Krêl	229	176	53	
	Xã KDang	UBND Xã KDang	229	176	53	
	Xã Ia Rsai	UBND Xã Ia Rsai	257	198	59	
	Xã Kon Gang	UBND Xã Kon Gang	229	176	53	
	Xã Bình Hiệp	UBND Xã Bình	165	127	38	
	Xã Ân Hảo	UBND Xã Ân Hảo	156	120	36	
	Xã Bàu Cạn	UBND Xã Bàu Cạn	229	176	53	
	Xã Uar	UBND Xã Uar	257	198	59	
	Xã Bình Khê	UBND Xã Bình Khê	165	127	38	
	Xã Chư A Thai	UBND Xã Chư A Thai	229	176	53	
	Xã Vạn Đức	UBND Xã Vạn Đức	165	127	38	
	Xã Ia Hiao	UBND Xã Ia Hiao	229	176	53	
	Xã Kông Chro	UBND Xã Kông Chro	241	185	56	
	Xã Ia Pia	UBND Xã Ia Pia	241	185	56	
	Xã Ia Tul	UBND Xã Ia Tul	257	198	59	
	Xã An Nhơn Tây	UBND Xã An Nhơn Tây	156	120	36	
	Xã Cửu An	UBND Xã Cửu An	157	121	36	
	Xã Chư Păh	UBND Xã Chư Păh	157	121	36	
	Xã Ia Boòng	UBND Xã Ia Boòng	221	170	51	
	Xã Ân Tường	UBND Xã Ân	233	179	54	
	Xã Đak Pơ	UBND Xã Đak Pơ	233	179	54	
	Xã Phù Mỹ Tây	UBND Xã Phù Mỹ Tây	148	114	34	
	Xã Ia Dơk	UBND Xã Ia Dơk	221	170	51	
	Xã Lơ Pang	UBND Xã Lơ Pang	250	192	58	
	Xã Kông Bơ La	UBND Xã Kông Bơ La	221	170	51	
	Xã Ia Tôr	UBND Xã Ia Tôr	221	170	51	
	Xã Al Bá	UBND Xã Al Bá	221	170	51	
	Xã Ia Khươl	UBND Xã Ia Khươl	250	192	58	
	Xã Canh Vinh	UBND Xã Canh Vinh	233	179	54	
	Xã Ia Dreh	UBND Xã Ia Dreh	250	192	58	
	Xã Gào	UBND Xã Gào	221	170	51	
	Xã Đak Sơmei	UBND Xã Đak Sơmei	250	192	58	
	Xã Pờ Tó	UBND Xã Pờ Tó	221	170	51	
	Xã Hra	UBND Xã Hra	233	179	54	
	Xã Hội Sơn	UBND Xã Hội Sơn	221	170	51	
	Xã An Hòa	UBND Xã An Hòa	157	121	36	
	Xã Kim Sơn	UBND Xã Kim Sơn	233	179	54	
	Xã Vân Canh	UBND Xã Vân Canh	233	179	54	
	Xã Ia Ly	UBND Xã Ia Ly	233	179	54	
	Xã Ayun	UBND Xã Ayun	233	179	54	
	Xã Ia O	UBND Xã Ia O	221	170	51	
	Xã Sơn Lang	UBND Xã Sơn Lang	250	192	58	
	Xã Tơ Tung	UBND Xã Tơ Tung	221	170	51	
	Xã Vĩnh Thịnh	UBND Xã Vĩnh Thịnh	221	170	51	
	Xã An Lão	UBND Xã An Lão	221	170	51	
	Xã Ia Rbol	UBND Xã Ia Rbol	221	170	51	
	Xã Vĩnh Thạnh	UBND Xã Vĩnh Thạnh	157	121	36	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Xã Kon Chiêng	UBND Xã Kon Chiêng	225	173	52	
	Xã Chư Krey	UBND Xã Chư Krey	215	165	50	
	Xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom	215	165	50	
	Xã Vĩnh Quang	UBND Xã Vĩnh Quang	204	157	47	
	Xã Ia Chia	UBND Xã Ia Chia	215	165	50	
	Xã Ya Ma	UBND Xã Ya Ma	215	165	50	
	Xã Ya Hội	UBND Xã Ya Hội	225	173	52	
	Xã Ia Nan	UBND Xã Ia Nan	204	157	47	
	Xã Ia Sao	UBND Xã Ia Sao	215	165	50	
	Xã SRó	UBND Xã SRó	242	186	56	
	Xã Chơ Long	UBND Xã Chơ Long	215	165	50	
	Xã An Vinh	UBND Xã An Vinh	215	165	50	
	Xã Đak Rong	UBND Xã Đak	242	186	56	
	Xã Krong	UBND Xã Krong	242	186	56	
	Xã Vĩnh Sơn	UBND Xã Vĩnh Sơn	242	186	56	
	Xã Ia Pnôn	UBND Xã Ia Pnôn	215	165	50	
	Xã Đăk Song	UBND Xã Đăk Song	242	186	56	
	Xã Ia Mơ	UBND Xã Ia Mơ	242	186	56	
	Xã Canh Liên	UBND Xã Canh	242	186	56	
	Xã Nhơn Châu	UBND Xã Nhơn Châu	140	108	32	
	Xã An Toàn	UBND Xã An Toàn	225	173	52	
1.3.3	***Phổ biến, hướng dẫn thực hành các kỹ năng sống, kỹ năng ứng phó với thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa môi trường, dịch bệnh cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	761	585	176	
1.3.4	***Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng và văn hóa truyền thống của dân tộc; phòng chống bạo lực học đường; phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông góp phần xây dựng văn hóa ứng xử cho trẻ em, học sinh, sinh viên, học viên trong và ngoài trường học***					
	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	234	*180*	54	
1.4	**Phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới**					
1.4.1	***Hoàn thiện, phát triển, triển khai hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới; bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; bộ chỉ số về gia đình hạnh phúc***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	293	225	68	
1.4.2	***Xây dựng các mô hình về truyền thông, giáo dục xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cơ sở; mô hình can thiệp, phòng ngừa và ứng phó bạo lực gia đình. Tuyên truyền giáo dục chuyển đổi hành vi cho người có hành vi bạo lực gia đình. Tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng về hôn nhân gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc cho thanh niên trước khi kết hôn, trợ giúp tâm lý và quản trị gia đình***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	293	225	68	
1.4.3	***Phổ biến thông tin, kiến thức về văn hóa ứng xử, kỹ năng giáo dục đạo đức, lối sống, tình yêu thương, bình đẳng giới, truyền thống dân tộc và các giá trị văn hóa tốt đẹp; phòng ngừa rủi ro, tệ nạn xã hội, bạo lực trong gia đình cho các hộ gia đình***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	293	225	68	
1.4.4	***Nâng cao năng lực thực hiện, tiếp cận, sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm cho các thành viên hộ gia đình, nạn nhân bạo lực gia đình, chú ý đến phụ nữ, đối tượng yếu thế***					
	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	117	90	27	
2	**NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 2: XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA LÀNH MẠNH, VĂN MINH; PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG, CẢNH QUAN, THIẾT CHẾ VĂN HÓA ĐỒNG BỘ, HIỆU QUẢ**		**73.824**	**56.752**	**17.072**	
2.1	**Phát triển hệ thống hạ tầng, thiết chế văn hóa, nghệ thuật chất lượng cao, hướng đến đẳng cấp quốc tế**					
2.1.4	***Hỗ trợ phát triển cộng đồng khán giả, công chúng thường xuyên tại các thiết chế văn hoá, nghệ thuật công lập***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4.493	3.456	1.037	
	*** Các xã, phường (theo tiêu chí)**		0			
	Phường Quy Nhơn	UBND Phường Quy Nhơn	78	60	18	
	Phường Pleiku	UBND Phường Pleiku	78	60	18	
	Xã Tuy Phước	UBND Xã Tuy Phước	122	94	28	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Phường Quy Nhơn Nam	UBND Phường Quy Nhơn Nam	78	60	18	
	Xã Chư Sê	UBND Xã Chư Sê	130	100	30	
	Xã Tuy Phước Đông	UBND Xã Tuy Phước Đông	122	94	28	
	Xã Phù Cát	UBND Xã Phù Cát	122	94	28	
	Phường An Khê	UBND Phường An Khê	78	60	18	
	Xã Tuy Phước Bắc	UBND Xã Tuy Phước Bắc	122	94	28	
	Phường An Nhơn	UBND Phường An Nhơn	78	60	18	
	Xã Phú Thiện	UBND Xã Phú	182	140	42	
	Xã Tây Sơn	UBND Xã Tây Sơn	122	94	28	
	Phường Quy Nhơn Đông	UBND Phường Quy Nhơn Đông	78	60	18	
	Phường Hội Phú	UBND Phường Hội Phú	78	60	18	
	Phường Quy Nhơn Bắc	UBND Phường Quy Nhơn Bắc	78	60	18	
	Xã Đề Gi	UBND Xã Đề Gi	122	94	28	
	Phường Hoài Nhơn Đông	UBND Phường Hoài Nhơn Đông	78	60	18	
	Phường Hoài Nhơn Bắc	UBND Phường Hoài Nhơn Bắc	78	60	18	
	Xã Phù Mỹ Đông	UBND Xã Phù Mỹ Đông	122	94	28	
	Phường Hoài Nhơn	UBND Phường Hoài Nhơn	78	60	18	
	Phường Bình Định	UBND Phường Bình Định	78	60	18	
	Phường Bồng Sơn	UBND Phường Bồng Sơn	78	60	18	
	Xã Biển Hồ	UBND Xã Biển Hồ	174	134	40	
	Phường An Nhơn Bắc	UBND Phường An Nhơn Bắc	78	60	18	
	Xã An Lương	UBND Xã An	122	94	28	
	Xã Phú Túc	UBND Xã Phú Túc	194	149	45	
	Xã Ia Hrung	UBND Xã Ia Hrung	130	100	30	
	Xã Ia Hrú	UBND Xã Ia Hrú	182	140	42	
	Xã Đak Đoa	UBND Xã Đak Đoa	122	94	28	
	Xã Tuy Phước Tây	UBND Xã Tuy Phước Tây	122	94	28	
	Xã Hoài Ân	UBND Xã Hoài Ân	130	100	30	
	Xã Bình An	UBND Xã Bình An	122	94	28	
	Xã Chư Prông	UBND Xã Chư Prông	130	100	30	
	Xã Cát Tiến	UBND Xã Cát Tiến	130	100	30	
	Xã Chư Pưh	UBND Xã Chư Pưh	174	134	40	
	Phường Hoài Nhơn Nam	UBND Phường Hoài Nhơn Nam	78	60	18	
	Phường An Nhơn Nam	UBND Phường An Nhơn Nam	78	60	18	
	Xã Bờ Ngoong	UBND Xã Bờ Ngoong	174	134	40	
	Xã Ia Băng	UBND Xã Ia Băng	174	134	40	
	Xã Ia Pa	UBND Xã Ia Pa	174	134	40	
	Phường An Bình	UBND Phường An Bình	78	60	18	
	Xã Xuân An	UBND Xã Xuân An	122	94	28	
	Xã Mang Yang	UBND Xã Mang Yang	174	134	40	
	Xã Ia Krái	UBND Xã Ia Krái	181	139	42	
	Xã Phù Mỹ Bắc	UBND Xã Phù Mỹ Bắc	116	89	27	
	Xã Phù Mỹ	UBND Xã Phù Mỹ	109	84	25	
	Xã Bình Dương	UBND Xã Bình Dương	109	84	25	
	Xã Phù Mỹ Nam	UBND Xã Phù Mỹ Nam	109	84	25	
	Phường Ayun Pa	UBND Phường Ayun Pa	64	49	15	
	Phường An Nhơn Đông	UBND Phường An Nhơn Đông	64	49	15	
	Xã Hòa Hội	UBND Xã Hòa Hội	109	84	25	
	Xã Ngô Mây	UBND Xã Ngô Mây	109	84	25	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Phường Hoài Nhơn Tây	UBND Phường Hoài Nhơn Tây	64	49	15	
	Xã Kbang	UBND Xã Kbang	124	95	29	
	Xã Ia Ko	UBND Xã Ia Ko	168	129	39	
	Phường Quy Nhơn Tây	UBND Phường Quy Nhơn Tây	139	107	32	
	Phường Tam Quan	UBND Phường Tam Quan	64	49	15	
	Xã Ia Le	UBND Xã Ia Le	181	139	42	
	Xã Đức Cơ	UBND Xã Đức Cơ	116	89	27	
	Xã Ia Phí	UBND Xã Ia Phí	168	129	39	
	Xã Bình Phú	UBND Xã Bình Phú	168	129	39	
	Xã Ia Lâu	UBND Xã Ia Lâu	168	129	39	
	Xã Ia Krêl	UBND Xã Ia Krêl	160	123	37	
	Xã KDang	UBND Xã KDang	160	123	37	
	Xã Ia Rsai	UBND Xã Ia Rsai	181	139	42	
	Xã Kon Gang	UBND Xã Kon Gang	160	123	37	
	Xã Bình Hiệp	UBND Xã Bình	116	89	27	
	Xã Ân Hảo	UBND Xã Ân Hảo	109	84	25	
	Xã Bàu Cạn	UBND Xã Bàu Cạn	160	123	37	
	Xã Uar	UBND Xã Uar	181	139	42	
	Xã Bình Khê	UBND Xã Bình Khê	116	89	27	
	Xã Chư A Thai	UBND Xã Chư A Thai	160	123	37	
	Xã Vạn Đức	UBND Xã Vạn Đức	116	89	27	
	Xã Ia Hiao	UBND Xã Ia Hiao	160	123	37	
	Xã Kông Chro	UBND Xã Kông Chro	168	129	39	
	Xã Ia Pia	UBND Xã Ia Pia	168	129	39	
	Xã Ia Tul	UBND Xã Ia Tul	181	139	42	
	Xã An Nhơn Tây	UBND Xã An Nhơn Tây	109	84	25	
	Xã Cửu An	UBND Xã Cửu An	111	85	26	
	Xã Chư Păh	UBND Xã Chư Păh	111	85	26	
	Xã Ân Tường	UBND Xã Ân	163	125	38	
	Xã Đak Pơ	UBND Xã Đak Pơ	163	125	38	
	Xã Phù Mỹ Tây	UBND Xã Phù Mỹ Tây	104	80	24	
	Xã Ia Dok	UBND Xã Ia Dok	155	119	36	
	Xã Lơ Pang	UBND Xã Lơ Pang	176	135	41	
	Xã Kông Bơ La	UBND Xã Kông Bơ La	155	119	36	
	Xã Ia Tôr	UBND Xã Ia Tôr	155	119	36	
	Xã Al Bá	UBND Xã Al Bá	155	119	36	
	Xã Ia Khươl	UBND Xã Ia Khươl	176	135	41	
	Xã Canh Vinh	UBND Xã Canh Vinh	163	125	38	
	Xã Ia Dreh	UBND Xã Ia Dreh	176	135	41	
	Xã Gào	UBND Xã Gào	155	119	36	
	Xã Pờ Tó	UBND Xã Pờ Tó	155	119	36	
	Xã Hra	UBND Xã Hra	163	125	38	
	Xã Hội Sơn	UBND Xã Hội Sơn	155	119	36	
	Xã An Hòa	UBND Xã An Hòa	111	85	26	
	Xã Kim Sơn	UBND Xã Kim Sơn	163	125	38	
	Xã Vân Canh	UBND Xã Vân Canh	163	125	38	
	Xã Ia Ly	UBND Xã Ia Ly	163	125	38	
	Xã Ayun	UBND Xã Ayun	163	125	38	
	Xã Ia O	UBND Xã Ia O	155	119	36	
	Xã Sơn Lang	UBND Xã Sơn Lang	176	135	41	
	Xã Vĩnh Thịnh	UBND Xã Vĩnh Thịnh	155	119	36	
	Xã An Lão	UBND Xã An Lão	155	119	36	
	Xã Ia Rbol	UBND Xã Ia Rbol	155	119	36	
	Xã Vĩnh Thạnh	UBND Xã Vĩnh Thạnh	111	85	26	
	Xã Kon Chiêng	UBND Xã Kon Chiêng	157	121	36	
	Xã Chư Krey	UBND Xã Chư Krey	150	115	35	
	Xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom	150	115	35	
	Xã Vĩnh Quang	UBND Xã Vĩnh Quang	143	110	33	
	Xã Ia Chia	UBND Xã Ia Chia	150	115	35	
	Xã Ya Ma	UBND Xã Ya Ma	150	115	35	
	Xã Ya Hội	UBND Xã Ya Hội	157	121	36	
	Xã Ia Nan	UBND Xã Ia Nan	143	110	33	
	Xã Ia Sao	UBND Xã Ia Sao	150	115	35	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Xã SRó	UBND Xã SRó	170	131	39	
	Xã Chơ Long	UBND Xã Chơ Long	150	115	35	
	Xã An Vinh	UBND Xã An Vinh	150	115	35	
	Xã Đak Rong	UBND Xã Đak	170	131	39	
	Xã Krong	UBND Xã Krong	170	131	39	
	Xã Vĩnh Sơn	UBND Xã Vĩnh Sơn	170	131	39	
	Xã Ia Pnôn	UBND Xã Ia Pnôn	150	115	35	
	Xã Đăk Song	UBND Xã Đăk Song	170	131	39	
	Xã Ia Mơ	UBND Xã Ia Mơ	170	131	39	
	Xã Canh Liên	UBND Xã Canh	170	131	39	
	Xã Nhơn Châu	UBND Xã Nhơn Châu	99	76	23	
	Xã An Toàn	UBND Xã An Toàn	157	121	36	
2.1.5	***Nâng cao năng lực vận hành, khai thác, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, nghệ thuật công lập; hỗ trợ đa dạng hóa sản phẩm, hoạt động, tăng nguồn thu cho các thiết chế từ tài trợ, bảo trợ văn hóa, nghệ thuật***					
	*** Các xã, phường (theo tiêu chí)**					
	Phường Quy Nhơn	UBND Phường Quy Nhơn	78	60	18	
	Phường Pleiku	UBND Phường Pleiku	78	60	18	
	Xã Tuy Phước	UBND Xã Tuy Phước	122	94	28	
	Phường Quy Nhơn Nam	UBND Phường Quy Nhơn Nam	78	60	18	
	Xã Chư Sê	UBND Xã Chư Sê	130	100	30	
	Xã Tuy Phước Đông	UBND Xã Tuy Phước Đông	122	94	28	
	Xã Phù Cát	UBND Xã Phù Cát	122	94	28	
	Phường An Khê	UBND Phường An Khê	78	60	18	
	Xã Tuy Phước Bắc	UBND Xã Tuy Phước Bắc	122	94	28	
	Phường An Nhơn	UBND Phường An Nhơn	78	60	18	
	Xã Phú Thiện	UBND Xã Phú	182	140	42	
	Xã Tây Sơn	UBND Xã Tây Sơn	122	94	28	
	Phường Quy Nhơn Đông	UBND Phường Quy Nhơn Đông	78	60	18	
	Phường Hội Phú	UBND Phường Hội Phú	78	60	18	
	Phường Quy Nhơn Bắc	UBND Phường Quy Nhơn Bắc	78	60	18	
	Xã Đề Gi	UBND Xã Đề Gi	122	94	28	
	Phường Hoài Nhơn Đông	UBND Phường Hoài Nhơn Đông	78	60	18	
	Phường Hoài Nhơn Bắc	UBND Phường Hoài Nhơn Bắc	78	60	18	
	Xã Phù Mỹ Đông	UBND Xã Phù Mỹ Đông	122	94	28	
	Phường Hoài Nhơn	UBND Phường Hoài Nhơn	78	60	18	
	Phường Bình Định	UBND Phường Bình Định	78	60	18	
	Phường Bồng Sơn	UBND Phường Bồng Sơn	78	60	18	
	Xã Biển Hồ	UBND Xã Biển Hồ	174	134	40	
	Phường An Nhơn Bắc	UBND Phường An Nhơn Bắc	78	60	18	
	Xã An Lương	UBND Xã An	122	94	28	
	Xã Phú Túc	UBND Xã Phú Túc	194	149	45	
	Xã Ia Hrung	UBND Xã Ia Hrung	130	100	30	
	Xã Ia Hrú	UBND Xã Ia Hrú	182	140	42	
	Xã Đak Đoa	UBND Xã Đak Đoa	122	94	28	
	Xã Tuy Phước Tây	UBND Xã Tuy Phước Tây	122	94	28	
	Xã Hoài Ân	UBND Xã Hoài Ân	130	100	30	
	Xã Bình An	UBND Xã Bình An	122	94	28	
	Xã Chư Prông	UBND Xã Chư Prông	130	100	30	
	Xã Cát Tiến	UBND Xã Cát Tiến	130	100	30	
	Xã Chư Pưh	UBND Xã Chư Pưh	174	134	40	
	Phường Hoài Nhơn Nam	UBND Phường Hoài Nhơn Nam	78	60	18	
	Phường An Nhơn Nam	UBND Phường An Nhơn Nam	78	60	18	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Xã Bờ Ngoong	UBND Xã Bờ Ngoong	174	134	40	
	Xã Ia Băng	UBND Xã Ia Băng	174	134	40	
	Xã Ia Pa	UBND Xã Ia Pa	174	134	40	
	Phường An Bình	UBND Phường An Bình	78	60	18	
	Xã Xuân An	UBND Xã Xuân An	122	94	28	
	Xã Mang Yang	UBND Xã Mang Yang	174	134	40	
	Xã Ia Krái	UBND Xã Ia Krái	181	139	42	
	Xã Phù Mỹ Bắc	UBND Xã Phù Mỹ Bắc	116	89	27	
	Xã Phù Mỹ	UBND Xã Phù Mỹ	109	84	25	
	Xã Bình Dương	UBND Xã Bình Dương	109	84	25	
	Xã Phù Mỹ Nam	UBND Xã Phù Mỹ Nam	109	84	25	
	Phường Ayun Pa	UBND Phường Ayun Pa	64	49	15	
	Phường An Nhơn Đông	UBND Phường An Nhơn Đông	64	49	15	
	Xã Hòa Hội	UBND Xã Hòa Hội	109	84	25	
	Xã Ngô Mây	UBND Xã Ngô Mây	109	84	25	
	Phường Hoài Nhơn Tây	UBND Phường Hoài Nhơn Tây	64	49	15	
	Xã Kbang	UBND Xã Kbang	124	95	29	
	Xã Ia Ko	UBND Xã Ia Ko	168	129	39	
	Phường Quy Nhơn Tây	UBND Phường Quy Nhơn Tây	122	94	28	
	Phường Tam Quan	UBND Phường Tam Quan	64	49	15	
	Xã Ia Le	UBND Xã Ia Le	181	139	42	
	Xã Đức Cơ	UBND Xã Đức Cơ	116	89	27	
	Xã Ia Phí	UBND Xã Ia Phí	168	129	39	
	Xã Bình Phú	UBND Xã Bình Phú	168	129	39	
	Xã Ia Lâu	UBND Xã Ia Lâu	168	129	39	
	Xã Ia Krêl	UBND Xã Ia Krêl	160	123	37	
	Xã KDang	UBND Xã KDang	160	123	37	
	Xã Ia Rsai	UBND Xã Ia Rsai	181	139	42	
	Xã Kon Gang	UBND Xã Kon Gang	160	123	37	
	Xã Bình Hiệp	UBND Xã Bình	116	89	27	
	Xã Ân Hảo	UBND Xã Ân Hảo	109	84	25	
	Xã Bàu Cạn	UBND Xã Bàu Cạn	160	123	37	
	Xã Uar	UBND Xã Uar	181	139	42	
	Xã Bình Khê	UBND Xã Bình Khê	116	89	27	
	Xã Chư A Thai	UBND Xã Chư A Thai	160	123	37	
	Xã Vạn Đức	UBND Xã Vạn Đức	116	89	27	
	Xã Ia Hiao	UBND Xã Ia Hiao	160	123	37	
	Xã Kông Chro	UBND Xã Kông Chro	168	129	39	
	Xã Ia Pia	UBND Xã Ia Pia	168	129	39	
	Xã Ia Tul	UBND Xã Ia Tul	181	139	42	
	Xã An Nhơn Tây	UBND Xã An Nhơn Tây	109	84	25	
	Xã Cửu An	UBND Xã Cửu An	111	85	26	
	Xã Chư Păh	UBND Xã Chư Păh	111	85	26	
	Xã Ân Tường	UBND Xã Ân	163	125	38	
	Xã Đak Pơ	UBND Xã Đak Pơ	163	125	38	
	Xã Phù Mỹ Tây	UBND Xã Phù Mỹ Tây	104	80	24	
	Xã Ia Dok	UBND Xã Ia Dok	155	119	36	
	Xã Lơ Pang	UBND Xã Lơ Pang	176	135	41	
	Xã Kông Bơ La	UBND Xã Kông Bơ La	155	119	36	
	Xã Ia Tôr	UBND Xã Ia Tôr	155	119	36	
	Xã Al Bá	UBND Xã Al Bá	155	119	36	
	Xã Ia Khươl	UBND Xã Ia Khươl	176	135	41	
	Xã Canh Vinh	UBND Xã Canh Vinh	163	125	38	
	Xã Ia Dreh	UBND Xã Ia Dreh	176	135	41	
	Xã Gào	UBND Xã Gào	155	119	36	
	Xã Pờ Tó	UBND Xã Pờ Tó	155	119	36	
	Xã Hra	UBND Xã Hra	163	125	38	
	Xã Hội Sơn	UBND Xã Hội Sơn	155	119	36	
	Xã An Hòa	UBND Xã An Hòa	111	85	26	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Xã Kim Sơn	UBND Xã Kim Sơn	163	125	38	
	Xã Vân Canh	UBND Xã Vân Canh	163	125	38	
	Xã Ia Ly	UBND Xã Ia Ly	163	125	38	
	Xã Ayun	UBND Xã Ayun	163	125	38	
	Xã Ia O	UBND Xã Ia O	155	119	36	
	Xã Sơn Lang	UBND Xã Sơn Lang	176	135	41	
	Xã Vĩnh Thịnh	UBND Xã Vĩnh Thịnh	155	119	36	
	Xã An Lão	UBND Xã An Lão	155	119	36	
	Xã Ia Rbol	UBND Xã Ia Rbol	155	119	36	
	Xã Vĩnh Thạnh	UBND Xã Vĩnh Thạnh	111	85	26	
	Xã Kon Chiêng	UBND Xã Kon Chiêng	157	121	36	
	Xã Chư Krey	UBND Xã Chư Krey	150	115	35	
	Xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom	150	115	35	
	Xã Vĩnh Quang	UBND Xã Vĩnh Quang	143	110	33	
	Xã Ia Chia	UBND Xã Ia Chia	150	115	35	
	Xã Ya Ma	UBND Xã Ya Ma	150	115	35	
	Xã Ya Hội	UBND Xã Ya Hội	157	121	36	
	Xã Ia Nan	UBND Xã Ia Nan	143	110	33	
	Xã Ia Sao	UBND Xã Ia Sao	150	115	35	
	Xã SRó	UBND Xã SRó	170	131	39	
	Xã Chơ Long	UBND Xã Chơ Long	150	115	35	
	Xã An Vinh	UBND Xã An Vinh	150	115	35	
	Xã Đak Rong	UBND Xã Đak	170	131	39	
	Xã Krong	UBND Xã Krong	170	131	39	
	Xã Vĩnh Sơn	UBND Xã Vĩnh Sơn	170	131	39	
	Xã Ia Pnôn	UBND Xã Ia Pnôn	150	115	35	
	Xã Đăk Song	UBND Xã Đăk Song	170	131	39	
	Xã Ia Mơ	UBND Xã Ia Mơ	170	131	39	
	Xã Canh Liên	UBND Xã Canh	170	131	39	
	Xã Nhơn Châu	UBND Xã Nhơn Châu	99	76	23	
	Xã An Toàn	UBND Xã An Toàn	157	121	36	
2.3	**Thúc đẩy vai trò của trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm trong lĩnh vực văn hóa cơ sở, góp phần xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, tuân thủ pháp luật**					
2.3.1	***Tập huấn, truyền đạt kiến thức trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm trong lĩnh vực văn hóa cho đội ngũ cán bộ cấp thôn (trưởng thôn, trưởng ban, trưởng ấp, già làng...), tổ chức chi hội đoàn thể, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan, nhất là tại các khu vực miền núi***					
	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	176	*135*	41	
2.3.2	***Nâng cao năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm về văn hóa, cải thiện sinh kế cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thông tin, truyền thông chính sách pháp luật trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm về văn hóa; xây dựng, phát hành phóng sự, tiểu phẩm, chương trình, bài viết và các hoạt động truyền thông khác về trợ giúp pháp lý đăng ký biện pháp bảo đảm hiệu quả, điển hình, thành công về văn hóa.***					
	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	176	135	41	
2.3.3	***Tập huấn về các kỹ năng phối hợp, giới thiệu thông tin, vụ việc trợ giúp pháp lý về văn hóa cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý như đồn biên phòng, cảnh sát biển, cơ quan tiến hành tố tụng, người làm công tác liên quan đến văn hóa, công chức Phòng Tư pháp, cán bộ cấp xã***					
	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	176	135	41	
2.4	**Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, phát huy giá trị văn hóa truyền thống**					
2.4.1	***Xây dựng và khai thác các mô hình văn hoá cơ sở phù hợp với điều kiện từng vùng, miền, phong tục, tập quán của địa phương: mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hoá đặc thù, bảo tồn giá trị văn hoá phi vật thể; mô hình di sản văn hóa gắn với các hành trình du lịch di sản văn hóa phát triển cộng đồng***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	889	684	205	
2.4.2.	***Tổ chức truyền dạy văn hoá phi vật thể (dân ca, dân vũ, nghề thủ công truyền thống,...), bồi dưỡng người kế cận trong nhóm cộng đồng, hỗ trợ hoạt động các câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian, văn nghệ truyền thống tại cơ sở; hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú tại địa phương trong việc phổ biến đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận.***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	176	135	41	
	*** Các xã, phường (theo tiêu chí)**					

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Phường Quy Nhơn	UBND Phường Quy Nhơn	74	57	17	
	Phường Pleiku	UBND Phường Pleiku	74	57	17	
	Xã Tuy Phước	UBND Xã Tuy Phước	117	90	27	
	Phường Quy Nhơn Nam	UBND Phường Quy Nhơn Nam	74	57	17	
	Xã Chư Sê	UBND Xã Chư Sê	125	96	29	
	Xã Tuy Phước Đông	UBND Xã Tuy Phước Đông	117	90	27	
	Xã Phù Cát	UBND Xã Phù Cát	117	90	27	
	Phường An Khê	UBND Phường An Khê	74	57	17	
	Xã Tuy Phước Bắc	UBND Xã Tuy Phước Bắc	117	90	27	
	Phường An Nhơn	UBND Phường An Nhơn	74	57	17	
	Xã Phú Thiện	UBND Xã Phú	174	134	40	
	Xã Tây Sơn	UBND Xã Tây Sơn	117	90	27	
	Phường Quy Nhơn Đông	UBND Phường Quy Nhơn Đông	74	57	17	
	Phường Hội Phú	UBND Phường Hội Phú	74	57	17	
	Phường Quy Nhơn Bắc	UBND Phường Quy Nhơn Bắc	74	57	17	
	Xã Đề Gi	UBND Xã Đề Gi	117	90	27	
	Phường Hoài Nhơn Đông	UBND Phường Hoài Nhơn Đông	74	57	17	
	Phường Hoài Nhơn Bắc	UBND Phường Hoài Nhơn Bắc	74	57	17	
	Xã Phù Mỹ Đông	UBND Xã Phù Mỹ Đông	117	90	27	
	Phường Hoài Nhơn	UBND Phường Hoài Nhơn	74	57	17	
	Phường Bình Định	UBND Phường Bình Định	74	57	17	
	Phường Bồng Sơn	UBND Phường Bồng Sơn	74	57	17	
	Xã Biển Hồ	UBND Xã Biển Hồ	166	128	38	
	Phường An Phú	UBND Phường An Phú	74	57	17	
	Phường An Nhơn Bắc	UBND Phường An Nhơn Bắc	74	57	17	
	Xã An Lương	UBND Xã An	117	90	27	
	Xã Phú Túc	UBND Xã Phú Túc	186	143	43	
	Xã Ia Hrung	UBND Xã Ia Hrung	125	96	29	
	Xã Ia Hrú	UBND Xã Ia Hrú	174	134	40	
	Xã Đak Đoa	UBND Xã Đak Đoa	117	90	27	
	Xã Tuy Phước Tây	UBND Xã Tuy Phước Tây	117	90	27	
	Xã Hoài Ân	UBND Xã Hoài Ân	125	96	29	
	Xã Bình An	UBND Xã Bình An	117	90	27	
	Xã Chư Prông	UBND Xã Chư Prông	125	96	29	
	Xã Cát Tiến	UBND Xã Cát Tiến	125	96	29	
	Xã Chư Pưh	UBND Xã Chư Pưh	166	128	38	
	Phường Hoài Nhơn Nam	UBND Phường Hoài Nhơn Nam	74	57	17	
	Phường An Nhơn Nam	UBND Phường An Nhơn Nam	74	57	17	
	Xã Bờ Ngoong	UBND Xã Bờ Ngoong	166	128	38	
	Xã Ia Băng	UBND Xã Ia Băng	166	128	38	
	Xã Ia Pa	UBND Xã Ia Pa	166	128	38	
	Phường An Bình	UBND Phường An Bình	74	57	17	
	Xã Xuân An	UBND Xã Xuân An	117	90	27	
	Xã Mang Yang	UBND Xã Mang Yang	166	128	38	
	Xã Ia Krái	UBND Xã Ia Krái	173	133	40	
	Xã Phù Mỹ Bắc	UBND Xã Phù Mỹ Bắc	111	85	26	
	Xã Phù Mỹ	UBND Xã Phù Mỹ	104	80	24	
	Xã Bình Dương	UBND Xã Bình Dương	104	80	24	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Xã Phù Mỹ Nam	UBND Xã Phù Mỹ Nam	104	80	24	
	Phường Ayun Pa	UBND Phường Ayun Pa	61	47	14	
	Phường An Nhơn Đông	UBND Phường An Nhơn Đông	61	47	14	
	Xã Hòa Hội	UBND Xã Hòa Hội	104	80	24	
	Xã Ngô Mây	UBND Xã Ngô Mây	104	80	24	
	Phường Hoài Nhơn Tây	UBND Phường Hoài Nhơn Tây	61	47	14	
	Xã Kbang	UBND Xã Kbang	118	91	27	
	Xã Ia Ko	UBND Xã Ia Ko	161	124	37	
	Phường Tam Quan	UBND Phường Tam Quan	61	47	14	
	Xã Ia Le	UBND Xã Ia Le	173	133	40	
	Xã Đức Cơ	UBND Xã Đức Cơ	111	85	26	
	Xã Ia Phí	UBND Xã Ia Phí	161	124	37	
	Xã Bình Phú	UBND Xã Bình Phú	161	124	37	
	Xã Ia Lâu	UBND Xã Ia Lâu	161	124	37	
	Xã Ia Krêl	UBND Xã Ia Krêl	153	118	35	
	Xã KDang	UBND Xã KDang	153	118	35	
	Xã Ia Rsai	UBND Xã Ia Rsai	173	133	40	
	Xã Kon Gang	UBND Xã Kon Gang	153	118	35	
	Xã Bình Hiệp	UBND Xã Bình	111	85	26	
	Xã Ân Hảo	UBND Xã Ân Hảo	104	80	24	
	Xã Bàu Cạn	UBND Xã Bàu Cạn	153	118	35	
	Xã Uar	UBND Xã Uar	173	133	40	
	Xã Bình Khê	UBND Xã Bình Khê	111	85	26	
	Xã Chư A Thai	UBND Xã Chư A Thai	153	118	35	
	Xã Vạn Đức	UBND Xã Vạn Đức	111	85	26	
	Xã Ia Hiao	UBND Xã Ia Hiao	153	118	35	
	Xã Kông Chro	UBND Xã Kông Chro	161	124	37	
	Xã Ia Pia	UBND Xã Ia Pia	161	124	37	
	Xã Ia Tul	UBND Xã Ia Tul	173	133	40	
	Xã An Nhơn Tây	UBND Xã An Nhơn Tây	104	80	24	
	Xã Cửu An	UBND Xã Cửu An	105	81	24	
	Xã Chư Păh	UBND Xã Chư Păh	105	81	24	
	Xã Ia Boòng	UBND Xã Ia Boòng	148	114	34	
	Xã Ân Tường	UBND Xã Ân	156	120	36	
	Xã Đak Pơ	UBND Xã Đak Pơ	156	120	36	
	Xã Phù Mỹ Tây	UBND Xã Phù Mỹ Tây	99	76	23	
	Xã Ia Dơk	UBND Xã Ia Dơk	148	114	34	
	Xã Lơ Pang	UBND Xã Lơ Pang	168	129	39	
	Xã Kông Bơ La	UBND Xã Kông Bơ La	148	114	34	
	Xã Ia Tôr	UBND Xã Ia Tôr	148	114	34	
	Xã Al Bá	UBND Xã Al Bá	148	114	34	
	Xã Ia Khươl	UBND Xã Ia Khươl	168	129	39	
	Xã Canh Vinh	UBND Xã Canh Vinh	156	120	36	
	Xã Ia Dreh	UBND Xã Ia Dreh	168	129	39	
	Xã Gào	UBND Xã Gào	148	114	34	
	Xã Đak Sơmei	UBND Xã Đak Sơmei	168	129	39	
	Xã Pờ Tó	UBND Xã Pờ Tó	148	114	34	
	Xã Hra	UBND Xã Hra	156	120	36	
	Xã Hội Sơn	UBND Xã Hội Sơn	148	114	34	
	Xã An Hòa	UBND Xã An Hòa	105	81	24	
	Xã Kim Sơn	UBND Xã Kim Sơn	156	120	36	
	Xã Vân Canh	UBND Xã Vân Canh	156	120	36	
	Xã Ia Ly	UBND Xã Ia Ly	156	120	36	
	Xã Ayun	UBND Xã Ayun	156	120	36	
	Xã Ia O	UBND Xã Ia O	148	114	34	
	Xã Sơn Lang	UBND Xã Sơn Lang	168	129	39	
	Xã Vĩnh Thịnh	UBND Xã Vĩnh Thịnh	148	114	34	
	Xã An Lão	UBND Xã An Lão	148	114	34	
	Xã Ia Rbol	UBND Xã Ia Rbol	148	114	34	
	Xã Vĩnh Thạnh	UBND Xã Vĩnh Thạnh	105	81	24	
	Xã Kon Chiêng	UBND Xã Kon Chiêng	151	116	35	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Xã Chư Krey	UBND Xã Chư Krey	143	110	33	
	Xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom	143	110	33	
	Xã Vĩnh Quang	UBND Xã Vĩnh Quang	137	105	32	
	Xã Ia Chia	UBND Xã Ia Chia	143	110	33	
	Xã Ya Ma	UBND Xã Ya Ma	143	110	33	
	Xã Ya Hội	UBND Xã Ya Hội	151	116	35	
	Xã Ia Nan	UBND Xã Ia Nan	137	105	32	
	Xã Ia Sao	UBND Xã Ia Sao	143	110	33	
	Xã SRó	UBND Xã SRó	163	125	38	
	Xã Chơ Long	UBND Xã Chơ Long	143	110	33	
	Xã An Vinh	UBND Xã An Vinh	143	110	33	
	Xã Đak Rong	UBND Xã Đak	163	125	38	
	Xã Krong	UBND Xã Krong	163	125	38	
	Xã Vĩnh Sơn	UBND Xã Vĩnh Sơn	163	125	38	
	Xã Ia Pnôn	UBND Xã Ia Pnôn	143	110	33	
	Xã Đăk Song	UBND Xã Đăk Song	163	125	38	
	Xã Ia Mơ	UBND Xã Ia Mơ	163	125	38	
	Xã Canh Liên	UBND Xã Canh	163	125	38	
	Xã Nhơn Châu	UBND Xã Nhơn Châu	94	72	22	
	Xã An Toàn	UBND Xã An Toàn	151	116	35	
2.4.3.	***Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống, văn hóa, văn nghệ dân gian. Bảo tồn, phục dựng, tổ chức lễ hội truyền thống, ngày hội, giao lưu, liên hoan, về các loại hình văn hóa, nghệ thuật, hoạt động thi đấu thể thao truyền thống của địa phương, hướng tới khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch. Bảo tồn làng, bản, buôn gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	761	585	176	
	*** Các xã, phường (theo tiêu chí)**		0			
	Phường Quy Nhơn	UBND Phường Quy Nhơn	56	43	13	
	Phường Pleiku	UBND Phường Pleiku	56	43	13	
	Xã Tuy Phước	UBND Xã Tuy Phước	87	67	20	
	Phường Quy Nhơn Nam	UBND Phường Quy Nhơn Nam	56	43	13	
	Xã Chư Sê	UBND Xã Chư Sê	92	71	21	
	Xã Tuy Phước Đông	UBND Xã Tuy Phước Đông	87	67	20	
	Xã Phù Cát	UBND Xã Phù Cát	87	67	20	
	Phường An Khê	UBND Phường An Khê	56	43	13	
	Xã Tuy Phước Bắc	UBND Xã Tuy Phước Bắc	87	67	20	
	Phường An Nhơn	UBND Phường An Nhơn	56	43	13	
	Xã Phú Thiện	UBND Xã Phú	130	100	30	
	Xã Tây Sơn	UBND Xã Tây Sơn	87	67	20	
	Phường Quy Nhơn Đông	UBND Phường Quy Nhơn Đông	56	43	13	
	Phường Hội Phú	UBND Phường Hội Phú	56	43	13	
	Phường Quy Nhơn Bắc	UBND Phường Quy Nhơn Bắc	56	43	13	
	Xã Đề Gi	UBND Xã Đề Gi	87	67	20	
	Phường Hoài Nhơn Đông	UBND Phường Hoài Nhơn Đông	56	43	13	
	Phường Hoài Nhơn Bắc	UBND Phường Hoài Nhơn Bắc	56	43	13	
	Xã Phù Mỹ Đông	UBND Xã Phù Mỹ Đông	87	67	20	
	Phường Hoài Nhơn	UBND Phường Hoài Nhơn	56	43	13	
	Phường Bình Định	UBND Phường Bình Định	56	43	13	
	Phường Bồng Sơn	UBND Phường Bồng Sơn	56	43	13	
	Xã Biển Hồ	UBND Xã Biển Hồ	125	96	29	
	Phường An Phú	UBND Phường An Phú	56	43	13	
	Phường An Nhơn Bắc	UBND Phường An Nhơn Bắc	56	43	13	
	Xã An Lương	UBND Xã An	87	67	20	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Xã Phú Túc	UBND Xã Phú Túc	138	106	32	
	Xã Ia Hrung	UBND Xã Ia Hrung	92	71	21	
	Xã Ia Hrú	UBND Xã Ia Hrú	130	100	30	
	Xã Đak Đoa	UBND Xã Đak Đoa	87	67	20	
	Xã Tuy Phước Tây	UBND Xã Tuy Phước Tây	87	67	20	
	Xã Hoài Ân	UBND Xã Hoài Ân	92	71	21	
	Xã Bình An	UBND Xã Bình An	87	67	20	
	Xã Chư Prông	UBND Xã Chư Prông	92	71	21	
	Xã Cát Tiến	UBND Xã Cát Tiến	92	71	21	
	Xã Chư Pưh	UBND Xã Chư Pưh	125	96	29	
	Phường Hoài Nhơn Nam	UBND Phường Hoài Nhơn Nam	56	43	13	
	Phường An Nhơn Nam	UBND Phường An Nhơn Nam	56	43	13	
	Xã Bờ Ngoong	UBND Xã Bờ Ngoong	125	96	29	
	Xã Ia Băng	UBND Xã Ia Băng	125	96	29	
	Xã Ia Pa	UBND Xã Ia Pa	125	96	29	
	Phường An Bình	UBND Phường An Bình	56	43	13	
	Xã Xuân An	UBND Xã Xuân An	87	67	20	
	Xã Mang Yang	UBND Xã Mang Yang	125	96	29	
	Xã Ia Krái	UBND Xã Ia Krái	129	99	30	
	Xã Phù Mỹ Bắc	UBND Xã Phù Mỹ Bắc	83	64	19	
	Xã Phù Mỹ	UBND Xã Phù Mỹ	78	60	18	
	Xã Bình Dương	UBND Xã Bình Dương	78	60	18	
	Xã Phù Mỹ Nam	UBND Xã Phù Mỹ Nam	78	60	18	
	Phường Ayun Pa	UBND Phường Ayun Pa	46	35	11	
	Phường An Nhơn Đông	UBND Phường An Nhơn Đông	46	35	11	
	Xã Hòa Hội	UBND Xã Hòa Hội	78	60	18	
	Xã Ngô Mây	UBND Xã Ngô Mây	78	60	18	
	Phường Hoài Nhơn Tây	UBND Phường Hoài Nhơn Tây	46	35	11	
	Xã Kbang	UBND Xã Kbang	88	68	20	
	Xã Ia Ko	UBND Xã Ia Ko	120	92	28	
	Phường Tam Quan	UBND Phường Tam Quan	46	35	11	
	Xã Ia Grai	UBND Xã Ia Grai	328	252	76	
	Xã Ia Le	UBND Xã Ia Le	129	99	30	
	Xã Đức Cơ	UBND Xã Đức Cơ	83	64	19	
	Xã Ia Phí	UBND Xã Ia Phí	120	92	28	
	Xã Bình Phú	UBND Xã Bình Phú	120	92	28	
	Xã Ia Lâu	UBND Xã Ia Lâu	120	92	28	
	Xã Ia Krêl	UBND Xã Ia Krêl	114	88	26	
	Xã KDang	UBND Xã KDang	114	88	26	
	Xã Ia Rsai	UBND Xã Ia Rsai	129	99	30	
	Xã Kon Gang	UBND Xã Kon Gang	114	88	26	
	Xã Bình Hiệp	UBND Xã Bình	83	64	19	
	Xã Ân Hảo	UBND Xã Ân Hảo	78	60	18	
	Xã Bàu Cạn	UBND Xã Bàu Cạn	114	88	26	
	Xã Uar	UBND Xã Uar	129	99	30	
	Xã Bình Khê	UBND Xã Bình Khê	83	64	19	
	Xã Chư A Thai	UBND Xã Chư A Thai	114	88	26	
	Xã Vạn Đức	UBND Xã Vạn Đức	83	64	19	
	Xã Ia Hiao	UBND Xã Ia Hiao	114	88	26	
	Xã Kông Chro	UBND Xã Kông Chro	120	92	28	
	Xã Ia Pia	UBND Xã Ia Pia	120	92	28	
	Xã Ia Tul	UBND Xã Ia Tul	129	99	30	
	Xã An Nhơn Tây	UBND Xã An Nhơn Tây	78	60	18	
	Xã Cửu An	UBND Xã Cửu An	79	61	18	
	Xã Chư Păh	UBND Xã Chư Păh	79	61	18	
	Xã Ia Boòng	UBND Xã Ia Boòng	111	85	26	
	Xã Ân Tường	UBND Xã Ân	116	89	27	
	Xã Đak Pơ	UBND Xã Đak Pơ	116	89	27	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Xã Phù Mỹ Tây	UBND Xã Phù Mỹ Tây	74	57	17	
	Xã Ia Dơk	UBND Xã Ia Dơk	111	85	26	
	Xã Lơ Pang	UBND Xã Lơ Pang	125	96	29	
	Xã Kông Bơ La	UBND Xã Kông Bơ La	111	85	26	
	Xã Ia Tôr	UBND Xã Ia Tôr	111	85	26	
	Xã Al Bá	UBND Xã Al Bá	111	85	26	
	Xã Ia Khươl	UBND Xã Ia Khươl	125	96	29	
	Xã Canh Vinh	UBND Xã Canh Vinh	116	89	27	
	Xã Ia Dreh	UBND Xã Ia Dreh	125	96	29	
	Xã Gào	UBND Xã Gào	111	85	26	
	Xã Đak Sơmei	UBND Xã Đak Sơmei	125	96	29	
	Xã Pờ Tó	UBND Xã Pờ Tó	111	85	26	
	Xã Hra	UBND Xã Hra	116	89	27	
	Xã Hội Sơn	UBND Xã Hội Sơn	111	85	26	
	Xã An Hòa	UBND Xã An Hòa	79	61	18	
	Xã Kim Sơn	UBND Xã Kim Sơn	116	89	27	
	Xã Vân Canh	UBND Xã Vân Canh	116	89	27	
	Xã Ia Ly	UBND Xã Ia Ly	116	89	27	
	Xã Ayun	UBND Xã Ayun	116	89	27	
	Xã Ia O	UBND Xã Ia O	111	85	26	
	Xã Sơn Lang	UBND Xã Sơn Lang	125	96	29	
	Xã Tơ Tung	UBND Xã Tơ Tung	111	85	26	
	Xã Vĩnh Thịnh	UBND Xã Vĩnh Thịnh	111	85	26	
	Xã An Lão	UBND Xã An Lão	111	85	26	
	Xã Ia Rbol	UBND Xã Ia Rbol	111	85	26	
	Xã Vĩnh Thạnh	UBND Xã Vĩnh Thạnh	79	61	18	
	Xã Kon Chiêng	UBND Xã Kon Chiêng	112	86	26	
	Xã Chư Krey	UBND Xã Chư Krey	107	82	25	
	Xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom	107	82	25	
	Xã Vĩnh Quang	UBND Xã Vĩnh Quang	101	78	23	
	Xã Ia Chia	UBND Xã Ia Chia	107	82	25	
	Xã Ya Ma	UBND Xã Ya Ma	107	82	25	
	Xã Ya Hội	UBND Xã Ya Hội	112	86	26	
	Xã Ia Nan	UBND Xã Ia Nan	101	78	23	
	Xã Ia Sao	UBND Xã Ia Sao	107	82	25	
	Xã SRó	UBND Xã SRó	121	93	28	
	Xã Chơ Long	UBND Xã Chơ Long	107	82	25	
	Xã An Vinh	UBND Xã An Vinh	107	82	25	
	Xã Đak Rong	UBND Xã Đak	121	93	28	
	Xã Krong	UBND Xã Krong	121	93	28	
	Xã Vĩnh Sơn	UBND Xã Vĩnh Sơn	121	93	28	
	Xã Ia Pnôn	UBND Xã Ia Pnôn	107	82	25	
	Xã Đăk Song	UBND Xã Đăk Song	121	93	28	
	Xã Ia Púch	UBND Xã Ia Púch	228	175	53	
	Xã Ia Mơ	UBND Xã Ia Mơ	121	93	28	
	Xã Canh Liên	UBND Xã Canh	121	93	28	
	Xã Nhơn Châu	UBND Xã Nhơn Châu	70	54	16	
	Xã An Toàn	UBND Xã An Toàn	112	86	26	
2.4.4	***Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền rộng rãi các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiêu biểu của các vùng, miền; nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng; những tấm gương tiêu biểu trong xã hội; nâng cao nhận thức về bảo tồn và phát huy lễ hội, nghề thủ công truyền thống***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	351	270	81	
2.5	**Hỗ trợ phát triển văn hóa đọc gắn với các thiết chế thư viện**					
2.5.2	***Xây dựng mô hình không gian đa phương tiện và trải nghiệm với sách tại thư viện công cộng cấp tỉnh, phát triển các mô hình, chương trình khuyến đọc***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	702	540	162	
2.5.3	***Xây dựng, tổ chức phát triển mô hình hoạt động thư viện lưu động đa phương tiện phục vụ phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng: hỗ trợ phát triển tài nguyên thông tin và tiện ích thư viện, kho tài liệu luân chuyển của cấp tỉnh; hỗ trợ xe ô tô thư viện lưu động đa phương tiện và các trang thiết bị chuyên dùng.***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.404	1.080	324	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
3	**NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 3: NÂNG CAO HIỆU QUẢ THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN VÀ GIÁO DỤC VĂN HÓA**		**6.377**	**4.905**	**1.472**	
3.1	**Phát huy vai trò của cơ quan truyền thông, báo chí, hệ thống thông tin cơ sở nhằm quảng bá, tăng cường thông tin đối ngoại, lan tỏa giá trị văn hóa tốt đẹp, phản bác, đấu tranh với các thông tin sai trái, thù địch, xấu độc**					
3.1.1	***Đổi mới, đa dạng hóa hình thức phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về phát triển văn hóa thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, phương thức truyền thông mới đa nền tảng, đa phương tiện***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	117	90	27	
3.1.2	***Đấu tranh, phòng chống các hành vi lợi dụng lĩnh vực văn hóa để tiến hành hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; đấu tranh với các hình thức lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín, trục lợi, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đời sống nhân dân***					
	Công an tỉnh	Công an tỉnh	234	180	54	
3.1.3	***Tuyên truyền phản bác, đấu tranh với các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực thù địch về văn hóa, con người Việt Nam trên báo chí trong và ngoài nước, các nền tảng số và ngăn chặn thông tin xấu độc, trái thuần phong, mỹ tục, văn hóa Việt Nam trên không gian mạng.***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	117	90	27	
3.1.4	***Phát huy hiệu quả vai trò của hệ thống báo chí, truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở trong việc nâng cao nhận thức về hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình, hệ giá trị con người Việt Nam***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	351	270	81	
3.1.5	***Tuyên truyền về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước, tấm gương điển hình của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, điển hình trong bảo tồn, phát huy, quảng bá văn hóa dân tộc Việt Nam***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	234	*180*	54	
3.1.6	***Tập trung xây dựng và phát triển các kênh thông tin, truyền thông mới về văn hóa, nghệ thuật trên nền tảng số. Tiếp tục triển khai các phương thức tuyên truyền cổ động trực quan (pano, băng rôn...) tại các địa phương phù hợp. Sản xuất các chương trình, phim tài liệu giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	234	*180*	54	
3.1.7	***Tổ chức xuất bản các ấn phẩm về tri thức, văn hóa; thực hiện các hoạt động truyền thông, quảng bá phát triển văn hóa đọc, các sản phẩm thông tin như thư viện và dịch vụ thư viện nhằm góp phần bồi dưỡng, nâng cao tri thức của nhân dân, gắn kết chặt chẽ với hoạt động học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	234	*180*	54	
3.1.8	***Xây dựng nội dung sản phẩm truyền thông phục vụ quảng bá hình ảnh quốc gia ra thế giới; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm truyền thông bằng tiếng dân tộc và tiếng nước ngoài***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	234	*180*	54	
3.1.9	***Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa***					
	Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị	351	270	81	
3.1.10	***Tăng cường năng lực về kiến thức, kỹ năng xử lý thông tin khi thực hiện công tác truyền thông cho đội ngũ làm công tác truyền thông về các vấn đề văn hóa, xã hội; phóng viên, biên tập viên báo chí; cán bộ làm công tác quản lý thông tin cơ sở.***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	59	45	14	
3.2	**Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghệ thuật, di sản văn hóa**					
3.2.1	***Giới thiệu các nội dung về văn hóa, nghệ thuật dân gian, các loại hình nghệ thuật đặc sắc tiêu biểu trong các môn học và hoạt động giáo dục, triển khai hiệu quả các hoạt động giáo dục nghệ thuật trong các chương trình thuộc hệ thống giáo dục quốc dân***					
	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	351	270	81	
3.2.3	***Triển khai các chương trình giáo dục di sản văn hóa tại các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tàng, chú trọng kết hợp với hệ thống cơ sở giáo dục các cấp***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	936	720	216	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
3.2.4	***Nâng cao năng lực kết hợp hiệu quả giáo dục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống của dân tộc, văn hóa vùng miền của mỗi địa phương vào các hoạt động giáo dục, môn học trong chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên như nội dung giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, ngữ văn, lịch sử, địa lý,...***					
	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	585	450	135	
3.3.	**Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác thông tin, tuyên truyền tại cơ sở, đặc biệt là các địa bàn vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số**					
3.3.1	***Hỗ trợ trang thiết bị, sản phẩm văn hóa và tổ chức Liên hoan Đội tuyên truyền văn hóa tuyến biên giới, hải đảo cho các đồn biên phòng và Đội tuyên truyền văn hóa bộ đội biên phòng.***					
	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	*Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh*	351	*270*	81	
3.3.2	***Hỗ trợ ô tô chuyên dụng và trang thiết bị hoạt động cho Đội Tuyên truyền lưu động của Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.521	1.170	351	
3.3.3	***Hỗ trợ trang thiết bị chiếu phim kỹ thuật số phù hợp cho đội chiếu phim lưu động phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào đang sinh sống tại miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, huyện đảo; hỗ trợ cơ sở hạ tầng thực hiện phổ biến trực tuyến các phim thuộc sở hữu của Nhà nước.***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	468	360	108	
4	**NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 4: BẢO TỒN, PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA DÂN TỘC**		**1.872**	**1.440**	**432**	
4.1	**Bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di tích**					
4.1.1	***Hoàn thành việc kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	234	180	54	
4.1.9	***Lập quy hoạch khảo cổ đối với các địa điểm, di chỉ, di tích khảo cổ có giá trị; tổ chức khoanh vùng, cắm mốc các địa điểm, di tích khảo cổ, di tích quốc gia, quốc gia đặc biệt đã được xếp hạng***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	936	720	216	
4.3	**Bảo tồn, phát huy giá trị di sản tư liệu, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia**					
4.3.3	***Xác định giá trị, lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	468	360	108	
4.5	**Tăng cường trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa**					
4.5.1	***Nâng cao hiểu biết của người dân trong việc sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm để thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp trong việc phát triển, bảo tồn, bảo quản, sưu tập các di sản văn hóa***					
	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	117	90	27	
4.5.2	***Tăng cường năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người có di sản văn hoá bị ngăn cản, chiếm đoạt, xâm phạm quyền sử dụng, quyền khai thác, quyền sở hữu; trao đổi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa cho người thực hiện, hỗ trợ hoạt động trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm***					
	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	117	90	27	
5	**NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 5: THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ NGHỆ THUẬT**		**1.521**	**1.170**	**351**	
5.3	**Hỗ trợ cơ sở vật chất hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển văn học, nghệ thuật**					
5.3.1	***Đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật của các đoàn nghệ thuật công lập***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	936	720	216	
5.3.2	***Hỗ trợ hình thành các trung tâm hỗ trợ, phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	117	90	27	
5.5	**Hỗ trợ quảng bá, phổ biến tác phẩm, thành tựu văn học nghệ thuật có chất lượng cao đến đông đảo nhân dân**					
5.5.5	***Hỗ trợ tăng tỷ lệ buổi chiếu phim Việt Nam tại rạp; hỗ trợ hoạt động phổ biến phim phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, huyện đảo.***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	468	360	108	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
8	**NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 8: PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VĂN HÓA**		**1.464**	**1.125**	**339**	
8.1	**Phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa**					
8.1.1	***Nâng cao năng lực đội ngũ lãnh đạo, tham mưu, quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, công chức, viên chức liên quan đến phát triển văn hóa***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	234	180	54	
8.1.2	***Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức về xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, nghiệp vụ tổ chức hoạt động tại các thiết chế văn hóa cơ sở các cấp***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	176	135	41	
8.1.3	***Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa đối ngoại và ngoại ngữ cho đội ngũ nguồn nhân lực phục vụ công tác văn hóa đối ngoại, ngoại giao văn hóa tại Trung ương và địa phương***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	176	135	41	
8.2	**Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa**					
8.2.1	***Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức về văn hóa, lịch sử, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng số và giới cho đội ngũ văn nghệ sĩ, đội ngũ sáng tạo, nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	176	135	41	
8.2.7	***Lựa chọn, hỗ trợ và cử văn nghệ sĩ, trí thức, tài năng, giảng viên, giáo viên hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật tham dự các cuộc hội thảo, giao lưu, cuộc thi, sáng tạo nghệ thuật, trao đổi, nghiên cứu kinh nghiệm ở trong và ngoài nước.***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	234	180	54	
8.3	**Tạo môi trường để các chuyên gia, trí thức, văn nghệ sĩ tài năng và học sinh, sinh viên có năng khiếu vượt trội, tài năng lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được sáng tạo, cống hiến, rèn luyện phát triển tài năng**					
8.3.1	***Tổ chức các hội thi, hội diễn, chương trình nghệ thuật trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, văn học để tạo sân chơi, thể hiện tài năng cho độ ngũ văn nghệ sỹ.***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	468	360	108	
9	**NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 9: HỘI NHẬP QUỐC TẾ, TIẾP THU TINH HOA VĂN HÓA NHÂN LOẠI VÀ LAN TỎA CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA VIỆT NAM RA THẾ GIỚI**		**3.617**	**2.782**	**835**	
9.3	**Tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam, hỗ trợ sáng tạo nghệ thuật thông qua giao lưu văn hóa.**					
9.3.1	***Đăng cai, tổ chức các sự kiện quốc tế có quy mô, uy tín, phát triển các thương hiệu festival, lễ hội, cuộc thi, sự kiện văn hóa, nghệ thuật chất lượng, giải thưởng âm nhạc tại Việt Nam nhằm chủ động tiếp thu, giới thiệu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, ưu tiên gắn với hệ thống các thành phố sáng tạo của Việt Nam***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3.617	2.782	835	
10	**NỘI DUNG THÀNH PHẦN 10: TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN VỀ CHƯƠNG TRÌNH**		**6.711**	**5.165**	**1.546**	
10.1	**Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình**					
10.1.2	***Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá, quản lý, điều phối cho các địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì và các ban ngành tham gia tổ chức thực hiện Chương trình. Xây dựng và phổ biến các khuyến nghị, hướng dẫn để nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình tại các cấp, hướng dẫn về quản lý, vận hành các công trình được đầu tư xây dựng sau khi Chương trình kết thúc.***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	176	135	41	
	*** Các xã, phường (theo tiêu chí)**					
	Phường Quy Nhơn	UBND Phường Quy Nhơn	29	22	7	
	Phường Pleiku	UBND Phường Pleiku	29	22	7	
	Xã Tuy Phước	UBND Xã Tuy Phước	46	35	11	
	Phường Quy Nhơn Nam	UBND Phường Quy Nhơn Nam	29	22	7	
	Xã Chư Sê	UBND Xã Chư Sê	48	37	11	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Xã Tuy Phước Đông	UBND Xã Tuy Phước Đông	46	35	11	
	Xã Phù Cát	UBND Xã Phù Cát	46	35	11	
	Phường An Khê	UBND Phường An Khê	29	22	7	
	Xã Tuy Phước Bắc	UBND Xã Tuy Phước Bắc	46	35	11	
	Phường An Nhơn	UBND Phường An Nhơn	29	22	7	
	Xã Phú Thiện	UBND Xã Phú	68	52	16	
	Xã Tây Sơn	UBND Xã Tây Sơn	46	35	11	
	Phường Quy Nhơn Đông	UBND Phường Quy Nhơn Đông	29	22	7	
	Phường Hội Phú	UBND Phường Hội Phú	29	22	7	
	Phường Quy Nhơn Bắc	UBND Phường Quy Nhơn Bắc	29	22	7	
	Xã Đề Gi	UBND Xã Đề Gi	46	35	11	
	Phường Hoài Nhơn Đông	UBND Phường Hoài Nhơn Đông	29	22	7	
	Phường Hoài Nhơn Bắc	UBND Phường Hoài Nhơn Bắc	29	22	7	
	Xã Phù Mỹ Đông	UBND Xã Phù Mỹ Đông	46	35	11	
	Phường Hoài Nhơn	UBND Phường Hoài Nhơn	29	22	7	
	Phường Bình Định	UBND Phường Bình Định	29	22	7	
	Phường Bồng Sơn	UBND Phường Bồng Sơn	29	22	7	
	Xã Biển Hồ	UBND Xã Biển Hồ	65	50	15	
	Phường An Nhơn Bắc	UBND Phường An Nhơn Bắc	29	22	7	
	Xã An Lương	UBND Xã An	46	35	11	
	Xã Phú Túc	UBND Xã Phú Túc	73	56	17	
	Xã Ia Hrung	UBND Xã Ia Hrung	48	37	11	
	Xã Ia Hrú	UBND Xã Ia Hrú	68	52	16	
	Xã Đak Đoa	UBND Xã Đak Đoa	46	35	11	
	Xã Tuy Phước Tây	UBND Xã Tuy Phước Tây	46	35	11	
	Xã Hoài Ân	UBND Xã Hoài Ân	48	37	11	
	Xã Bình An	UBND Xã Bình An	46	35	11	
	Xã Chư Prông	UBND Xã Chư Prông	48	37	11	
	Xã Cát Tiến	UBND Xã Cát Tiến	48	37	11	
	Xã Chư Pưh	UBND Xã Chư Pưh	65	50	15	
	Phường Hoài Nhơn Nam	UBND Phường Hoài Nhơn Nam	29	22	7	
	Phường An Nhơn Nam	UBND Phường An Nhơn Nam	29	22	7	
	Xã Bờ Ngoong	UBND Xã Bờ Ngoong	65	50	15	
	Xã Ia Băng	UBND Xã Ia Băng	65	50	15	
	Xã Ia Pa	UBND Xã Ia Pa	65	50	15	
	Phường An Bình	UBND Phường An Bình	29	22	7	
	Xã Xuân An	UBND Xã Xuân An	46	35	11	
	Xã Mang Yang	UBND Xã Mang Yang	65	50	15	
	Xã Ia Krái	UBND Xã Ia Krái	68	52	16	
	Xã Phù Mỹ Bắc	UBND Xã Phù Mỹ Bắc	43	33	10	
	Xã Phù Mỹ	UBND Xã Phù Mỹ	40	31	9	
	Xã Bình Dương	UBND Xã Bình Dương	40	31	9	
	Xã Phù Mỹ Nam	UBND Xã Phù Mỹ Nam	40	31	9	
	Phường Ayun Pa	UBND Phường Ayun Pa	25	19	6	
	Phường An Nhơn Đông	UBND Phường An Nhơn Đông	25	19	6	
	Xã Hòa Hội	UBND Xã Hòa Hội	40	31	9	
	Xã Ngô Mây	UBND Xã Ngô Mây	40	31	9	
	Phường Hoài Nhơn Tây	UBND Phường Hoài Nhơn Tây	25	19	6	
	Xã Kbang	UBND Xã Kbang	47	36	11	
	Xã Ia Ko	UBND Xã Ia Ko	62	48	14	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Phường Quy Nhơn Tây	UBND Phường Quy Nhơn Tây	27	21	6	
	Phường Tam Quan	UBND Phường Tam Quan	25	19	6	
	Xã Ia Le	UBND Xã Ia Le	68	52	16	
	Xã Đức Cơ	UBND Xã Đức Cơ	43	33	10	
	Xã Ia Phí	UBND Xã Ia Phí	62	48	14	
	Xã Bình Phú	UBND Xã Bình Phú	62	48	14	
	Xã Ia Lâu	UBND Xã Ia Lâu	62	48	14	
	Xã Ia Krêl	UBND Xã Ia Krêl	60	46	14	
	Xã KDang	UBND Xã KDang	60	46	14	
	Xã Ia Rsai	UBND Xã Ia Rsai	68	52	16	
	Xã Kon Gang	UBND Xã Kon Gang	60	46	14	
	Xã Bình Hiệp	UBND Xã Bình	43	33	10	
	Xã Ân Hảo	UBND Xã Ân Hảo	40	31	9	
	Xã Bàu Cạn	UBND Xã Bàu Cạn	60	46	14	
	Xã Uar	UBND Xã Uar	68	52	16	
	Xã Bình Khê	UBND Xã Bình Khê	43	33	10	
	Xã Chư A Thai	UBND Xã Chư A Thai	60	46	14	
	Xã Vạn Đức	UBND Xã Vạn Đức	43	33	10	
	Xã Ia Hiao	UBND Xã Ia Hiao	60	46	14	
	Xã Kông Chro	UBND Xã Kông Chro	62	48	14	
	Xã Ia Pia	UBND Xã Ia Pia	62	48	14	
	Xã Ia Tul	UBND Xã Ia Tul	68	52	16	
	Xã An Nhơn Tây	UBND Xã An Nhơn Tây	40	31	9	
	Xã Cửu An	UBND Xã Cửu An	42	32	10	
	Xã Chư Păh	UBND Xã Chư Păh	42	32	10	
	Xã Ân Tường	UBND Xã Ân	61	47	14	
	Xã Đak Pơ	UBND Xã Đak Pơ	61	47	14	
	Xã Phù Mỹ Tây	UBND Xã Phù Mỹ Tây	39	30	9	
	Xã Ia Dơk	UBND Xã Ia Dơk	59	45	14	
	Xã Lơ Pang	UBND Xã Lơ Pang	65	50	15	
	Xã Kông Bơ La	UBND Xã Kông Bơ La	59	45	14	
	Xã Ia Tôr	UBND Xã Ia Tôr	59	45	14	
	Xã Al Bá	UBND Xã Al Bá	59	45	14	
	Xã Ia Khươl	UBND Xã Ia Khươl	65	50	15	
	Xã Canh Vinh	UBND Xã Canh Vinh	61	47	14	
	Xã Ia Dreh	UBND Xã Ia Dreh	65	50	15	
	Xã Gào	UBND Xã Gào	59	45	14	
	Xã Pờ Tó	UBND Xã Pờ Tó	59	45	14	
	Xã Hra	UBND Xã Hra	61	47	14	
	Xã Hội Sơn	UBND Xã Hội Sơn	59	45	14	
	Xã An Hòa	UBND Xã An Hòa	42	32	10	
	Xã Kim Sơn	UBND Xã Kim Sơn	61	47	14	
	Xã Vân Canh	UBND Xã Vân Canh	61	47	14	
	Xã Ia Ly	UBND Xã Ia Ly	61	47	14	
	Xã Ayun	UBND Xã Ayun	61	47	14	
	Xã Ia O	UBND Xã Ia O	59	45	14	
	Xã Sơn Lang	UBND Xã Sơn Lang	65	50	15	
	Xã Vĩnh Thịnh	UBND Xã Vĩnh Thịnh	59	45	14	
	Xã An Lão	UBND Xã An Lão	59	45	14	
	Xã Ia Rbol	UBND Xã Ia Rbol	59	45	14	
	Xã Vĩnh Thạnh	UBND Xã Vĩnh Thạnh	42	32	10	
	Xã Kon Chiêng	UBND Xã Kon Chiêng	59	45	14	
	Xã Chư Krey	UBND Xã Chư Krey	56	43	13	
	Xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom	56	43	13	
	Xã Vĩnh Quang	UBND Xã Vĩnh Quang	53	41	12	
	Xã Ia Chia	UBND Xã Ia Chia	56	43	13	
	Xã Ya Ma	UBND Xã Ya Ma	56	43	13	
	Xã Ya Hội	UBND Xã Ya Hội	59	45	14	
	Xã Ia Nan	UBND Xã Ia Nan	53	41	12	
	Xã Ia Sao	UBND Xã Ia Sao	56	43	13	
	Xã SRó	UBND Xã SRó	64	49	15	
	Xã Chơ Long	UBND Xã Chơ Long	56	43	13	
	Xã An Vinh	UBND Xã An Vinh	56	43	13	
	Xã Đak Rong	UBND Xã Đak	64	49	15	

STT	Nội dung	Đầu mối giao dự toán kinh phí	Dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	*Trong đó:*		
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Xã Krong	UBND Xã Krong	64	49	15	
	Xã Vĩnh Sơn	UBND Xã Vĩnh Sơn	64	49	15	
	Xã Ia Pnôn	UBND Xã Ia Pnôn	56	43	13	
	Xã Đăk Song	UBND Xã Đăk Song	64	49	15	
	Xã Ia Mơ	UBND Xã Ia Mơ	64	49	15	
	Xã Canh Liên	UBND Xã Canh	64	49	15	
	Xã Nhơn Châu	UBND Xã Nhơn Châu	36	28	8	
	Xã An Toàn	UBND Xã An Toàn	59	45	14	
10.1.5	***Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở cấp Trung ương và các cấp địa phương.***					
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	91	91		

Ghi chú: *Đề nghị cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện việc rà soát, lựa chọn, xác định nội dung, đối tượng, nhiệm vụ để triển khai thực hiện đúng quy định của Chương trình được phê duyệt tại Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030 và các quy định liên quan.*